

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 7 - 2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Bà Hà Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp về “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đàm Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Gia D, sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đàm Thị H trình bày:

Bà và chồng là ông Nguyễn Gia D tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 1998, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện GD, tỉnh BN vào ngày 21/8/1998. Vợ chồng chung không sống hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Ông, bà đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Về con

chung: Ông, bà có hai đứa con chung tên Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 14/10/1999 và Nguyễn Thu Tr sinh ngày 21/8/2007, các con hiện đang ở chung với bà. Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Không có.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Gia D. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng chú Tr và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Cháu G đã trưởng thành tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2022, bị đơn là ông Nguyễn Gia D trình bày:

Ông và vợ là Đàm Thị H kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa. Trong cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, bản thân ông là người chồng thiếu trách nhiệm. Ông nhận thấy vợ chồng ông không thể chung sống hạnh phúc được nữa nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Ông đồng ý giao cháu Nguyễn Thu Tr sinh ngày 21/8/2007 cho bà H nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 14/10/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Vợ chồng ông không có nợ chung.

Bà H có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, ông D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đàm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Gia D và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Ông D với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà H, ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Bà H, ông D kết hôn vào năm 1998 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện GD, tỉnh BN nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án bà H, ông D đều xác định vợ chồng ông, bà có mâu thuẫn, cuộc sống không thể hòa thuận. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Xét thấy, ông, bà đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu từ tháng 4/2020. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Ông, bà một hai đứa con chung tên là Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 14/10/1999 và Nguyễn Thu Tr sinh ngày 21/8/2007, chú Tr đang ở chung với bà H. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của bà H hiện nay chú Tr đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, ông D cũng đồng ý giao chú Tr cho bà H nuôi dưỡng. Chú Tr cũng có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Đối chiếu với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi con của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận. Giao chú Tr cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Cháu G đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi chú Tr cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng: Bà H yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi chú Tr mỗi tháng 2.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án ông D cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận. Căn cứ Điều 117 của Luật

Hôn nhân và gia đình buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi chú Tr mỗi tháng là 2.000.000 đồng, mỗi tháng cấp dưỡng một lần. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 01/7/2022 (dl), mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản: Bà H, ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ: Bà H, ông D xác định ông, bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, ông bà có phát sinh tranh chấp nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đàm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Gia D.

2. Về nuôi con:

Cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 14/10/1999 đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Giao cháu Nguyễn Thu Tr sinh ngày 21/8/2007 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi chú Tr mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi chú Tr đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng

nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 01/7/2022 (dương lịch), mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Bà H phải bào án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008005 ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Cẩm Tú